Mẫu số 03/QĐ-CKNS

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 386[a] /QĐ-UBND	*Sơn Động, ngày 12 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2020 của huyện Sơn Động

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Báo cáo số 85/BC-UBND ngày 29/9/2020 của UBND huyện về việc ước thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2020 của huyện Sơn Động *(theo các biểu kèm theo Quyết định này)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở KH&ĐT;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- TTHU, HĐND, UBND huyện;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chi cục Thuế Sơn Động;
- Kho bạc Nhà nước Sơn Động;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Trọng

UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND huyện Sơn Động)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2019	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**888.544**	**811.144**	**91,29**	**124,51**
I	**Thu cân đối NSNN**	**139.302**	**53.034**	**38,07**	**74,10**
1	Thu nội địa	139.302	53.034	38,07	74,10
2	Thu viện trợ				
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**61.870**		
III	**Thu hồi các khoản chi năm trước**		**1.215**		
IV	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**749.242**	**695.025**	**92,76**	**134,62**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**888.544**	**783.871**	**88,22**	**111,63**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**888.544**	**743.356**	**83,66**	**108,04**
1	Chi đầu tư phát triển	58.500	72.759	124,37	135,20
2	Chi thường xuyên	639.190	527.925	82,59	118,25
3	Dự phòng ngân sách	12.508	8.458		
4	Chi ngân sách xã (không kể tiền đất)	178.346	134.214	75,25	74,95
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**		**40.515**		

UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG **Biểu số 94/CK-NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND huyện Sơn Động)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2019	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**149.734**	**57.590**	**38,46**	**76,50**
I	**Thu nội địa**	**149.734**	**57.590**	**38,46**	**76,50**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	55.250	33.162	60,02	82,91
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.400	3.433	100,97	122,61
5	Phí cấp phép khai thác KS	250	224		
6	Lệ phí trước bạ	12.300	6.479	52,67	86,39
7	Thu phí, lệ phí	10.500	8.770	83,52	92,32
8	Các khoản thu về nhà, đất	65.034	1.597	2,46	12,26
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*		***14***		
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*15*	*11*		
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*65.000*	*1.563*	2,40	12,02
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*19*	*9*	47,37	
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	2.600	3.692	142,00	187,13
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	400	233	58,25	
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**139.302**	**53.034**	**38,07**	**74,10**
1	Từ các khoản thu phân chia	127.579	42.843	33,58	70,79
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	11.723	10.191	86,93	92,25

UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG

Biểu số 95/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND huyện Sơn Động)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2019	So sánh ước thực	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**888.544**	**783.871**	**88,22**	**111,63**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**888.544**	**743.356**	**83,66**	**108,04**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**58.500**	**72.759**	**124,37**	**135,20**
1	Chi đầu tư cho các dự án		43.555		
2	Chi đầu tư phát triển khác	58.500	29.204	49,92	
II	**Chi thường xuyên**	**639.190**	**527.925**	**82,59**	**118,25**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	456.469	397.025	86,98	118,72
2	Chi khoa học và công nghệ	0			
3	Chi y tế, dân số và gia đình				
4	Chi văn hóa thông tin	3.350	2.001	59,73	72,40
5	Chi phát thanh, truyền hình				
6	Chi thể dục thể thao	600	170	28,33	39,91
7	Chi bảo vệ môi trường	2.000	728	36,40	71,02
8	Chi hoạt động kinh tế	110.209	76.250	69,19	122,45
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	32.095	26.861	83,69	103,05
10	Chi bảo đảm xã hội	18.725	14.237	76,03	113,22
11	An ninh - quốc phòng	6.229	5.449	87,48	115,30
12	Chi khác ngân sách	4.213	5.204	123,52	239,04
13	Các nhiệm vụ phát sinh	5.122			
14	Chi hoàn trả NS cấp trên theo kiến nghị thanh tra, kiểm toán	178			
III	**Dự phòng ngân sách**	**12.508**	**8.458**		
IV	**Chi ngân sách xã (không kể tiền đất)**	**178.346**	**134.214**	**75,25**	**74,95**
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**0**	**40.515**		
1	Chương trình mục tiêu và MT quốc gia		40.515		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				